

Số: 24/2025/QĐCNHGT-DS

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành của Bà Trần Thị Thu H và ông Trần Minh T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề 04 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp chia thừa kế giữa bà Trần Thị Thu H và ông Trần Minh T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc thoả thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- **Người khởi kiện:** Bà Trần Thị Thu H - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ Phú Xá 10, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên

- **Người bị kiện:** Ông Trần Minh T - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ Phú Xá 10, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Nguyên Tãi - Sinh năm 1939

2. Ông Trần Minh Sơn - Sinh năm 1969.

3. Bà Nguyễn Thị Hà - Sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ Phú Xá 10, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên

4. Bà Trần Thị Lan - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 02, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hoà giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 27 tháng 10 năm 2025, cụ thể:

1.1. Bà Trần Thị Thu H, ông Trần Minh T, ông Trần Nguyên Tãi, ông Trần Minh Sơn, bà Nguyễn Thị Hà, bà Trần Thị Lan cùng xác định thửa đất số 13, tờ bản đồ 19 (nay tờ bản đồ số 160) diện tích 1.120m² , giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00095/QSDĐ/PX do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 03/01/1994 mang tên bà Nguyễn Thị Hồng là tài sản chung của ông Trần Nguyên Tãi và bà Nguyễn Thị Hồng(bà Hồng chết năm 2024). Các đương sự xác định đất số 13, tờ bản đồ 19(nay tờ bản đồ số 160) diện tích 1.120m² (diện tích theo hiện trạng là 1.231,1m²)

2. Công nhận kết quả hoà giải thành giữa các đương sự: Bà Trần Thị Thu H, ông Trần Minh T, ông Trần Nguyên Tãi, ông Trần Minh Sơn, bà Nguyễn Thị Hà, bà Trần Thị Lan về việc phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Hồng cho các đồng thừa kế như sau:

2.1. Giao diện tích đất 293m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên và tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 và công trình phụ, đồ trần trên lợp mái tôn do bà Nguyễn Thị Hồng và ông Trần Nguyên Tãi xây dựng năm 1987 diện tích 73m² ký hiệu:13(1) (theo các mốc :1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1) cho ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị H quản lý và sử dụng.

2.2. Giao diện tích đất 180m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên, Ký hiệu 13(2)(theo các mốc: 10,11,12,13,14,15,10) cho bà Trần Thị Thu H, quản lý và sử dụng.

2.3. Giao diện tích đất 185,4m², thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên và tài sản trên đất gồm: 01 sân lát gạch đỏ diện tích 50 m2 phía trên lợp mái tôn xộp chống nóng làm khoảng từ năm 2015; Ký hiệu: 13(3) (theo các mốc :6,7,16,17,6) cho ông Trần Nguyên Tãi quản lý và sử dụng.

- Đối với tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 và công trình phụ, đồ trần trên lợp mái tôn do bà Nguyễn Thị Hồng và ông Trần Nguyên Tãi xây dựng năm 1987 có diện tích 73m² Ký hiệu: 13(1), (theo các mốc :1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1) ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị H hiện đang quản lý và sử dụng, có 01 phần diện tích 5m² công trình phụ xây dựng sang phần diện tích có Ký hiệu 13(3). Ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Nguyên Tãi thống nhất thỏa thuận khi giao diện tích đất 185,4m² cho ông Trần Nguyên Tãi, ông T, bà H có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình phụ có diện tích 5m² khi ông Tãi có yêu cầu.Chi phí tháo dỡ công trình do ông T, bà H tự chịu trách nhiệm trả tại thời điểm tháo dỡ.

2.4. Giao diện tích 286,3m², thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên, và tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây 02 tầng bên trên lợp mái tôn, công trình phụ khép kín diện tích 72,0 m²; 01 mái lợp tôn xấp chống nóng (ngoài sân) xây dựng năm 2015, ký hiệu: **13(4)** (theo các mốc: 16,17,18,19,16) cho ông Trần Minh Sơn quản lý và sử dụng.

2.5. Giao diện tích 200m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên, ký hiệu: **13(5)** (theo các mốc :18, 19, 20, 21, 22, 23, 24,25, 18) cho bà Trần Thị Lan quản lý, sử dụng.

2.6. Tách phần diện tích 68,4m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ địa chính 160, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên (theo các mốc 5,6,17,18,25,26,27,5) sử dụng làm lối đi.

(Theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất do Công ty Cổ phần Đo Đạc và Bản đồ Thái An đo vẽ tháng 11 năm 2025 kèm theo).

3. Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc phân định cắm mốc, khai báo điều chỉnh biến động, làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất theo nội dung thỏa thuận nêu trên.

Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Minh T thỏa thuận nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản. Ông T đã thực hiện xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND KV1 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV1 - Thái Nguyên;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thư

